

LOAI SÁCH « NƯỚC VIỆT NGÀY NAY »

VIET-NAM VỐT NỀN KINH-TẾ TƯƠNG-LAI

KHẢO-CỨU

TRẠNH CỦA

CỦA PHAN HỮU

NG. QUANG TOAN

L

Thư Viện Đại Học
KH XÃ HỘI & NV
TP. HCM

DB

17285

THÀNH XUẤT BẢN "NGÀU - NẠU" - SAIGON

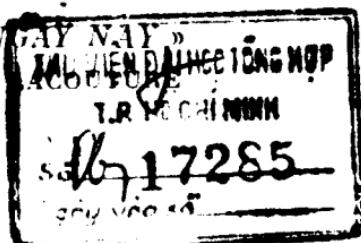
PHAN-HƯU

**VIỆT-NAM
MỘT NỀN KINH-TẾ
TƯƠNG-LAI**

(Có thêm hai bản-docket)

1947

NHÀ XUẤT-BẢN «NGÀY NAY»
9. — đường LUCIEN LACOUTURE
SAIGON



VÀI LỜI CÙNG BẠN ĐỌC

Dân có mạnh, tri dân có tiến, nước mới mạnh mẽ và tiến bộ... Nhất là trong một nước dân chủ, dân có sáng suốt, có quan tâm đến việc nước thì nền tảng quốc-gia mới vững vàng.

Mỗi nước dân chủ đều có những sách phò thông và nghiên cứu, lan truyền trong dân-chúng, để dân chúng hiểu biết những cái hay cái dở trong nước, nền văn hóa nước nhà, nền kinh tế nước nhà, lịch sử nước nhà, và hết thảy những cái gì liên quan đến quốc gia.

Trước điều nhận xét đó, chúng tôi hy-vọng rằng công-việc của chúng tôi không đến nổi hoàn toàn vô ích.

Chúng tôi chỉ là một nhóm người từng quen biết các bạn qua các cuốn sách hay các tờ báo—một nhóm người tự súc và chung lực làm công-việc này. Lúc đầu, chúng tôi sẽ gặp nhiều nỗi khó khăn, nhưng xin gắng súc để mở rộng phạm vi, để đón các tác phẩm của các bạn gần xa.

Chúng tôi không tự giới thiệu thêm.

Các bạn sẽ xét chúng tôi ở việc làm.

NHÀ XUẤT - BẢN.

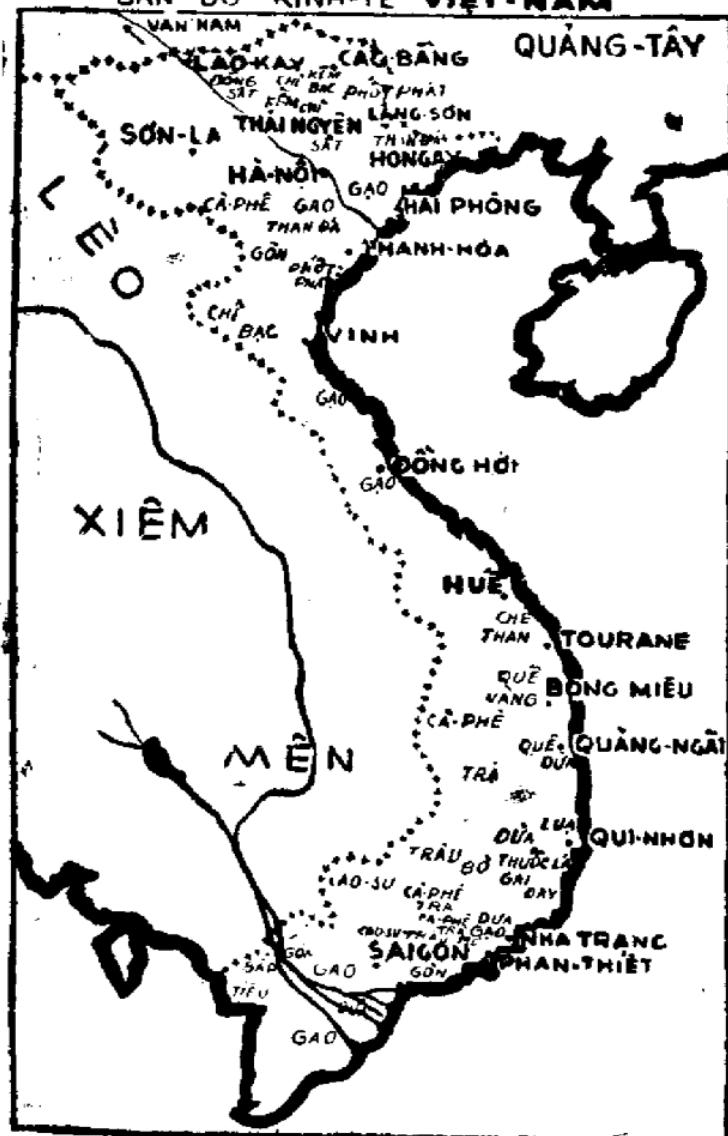
ĐÃ XUẤT-BẢN
Của VIỆT-SƠN
VẬN ĐỘNG ĐỜI SỐNG MỚI



ĐANG IN
Của VIỆT-SƠN
LAO-ĐỘNG TRANH-ĐẤU (I)
**(Những phương tiện thiêt thực để
nâng cao đời sống và chống tư bản)**

Của PHAN-HỮU
KẾ HOẠCH 5 NĂM CỦA
LIÊN-SÔ

BẢN ĐỒ KINH-TẾ VIỆT-NAM



MỘT NỀN KINH-TẾ TƯƠNG LAI

Phần thứ nhất

NỀN KINH-TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI-KỲ THỰC DÂN

Cho tới năm 1945, nước Việt-Nam, dưới quyền đô hộ của thực dân, chỉ có một nền kinh-tế tầm-thường, yếu ớt. Chúng ta sẽ thấy rằng thực-dân đã cam tâm bóp nghẹt nền kinh-tế Việt-Nam để thu hết lời về chúng.

Điều quan-sát đó mới coi, thì có vẻ lạ-lùng, nhưng chính là sự thật. Chúng tôi xin lược giảng ở dưới. (1)

.. .

Trước hết, chúng ta có thể tin rằng thực-dân đã phải vượt trùng-dương, lao mình vào những

(1) Theo các lời tuyên bố của nhiều chính khách Pháp và cả những đại biểu của nước Pháp ở Việt Nam, thi chính sách thực dân đã cáo chung. Nếu quả thật như vậy, thì tài liệu đây chỉ thuộc phạm vi lịch sử, nghĩa là chỉ bày tỏ những việc đã qua rồi.

số-mệnh xa lì, chiếm những đất xa xôi, để bảo vệ cho một bọn người truyền giáo, hay để giáo hóa cho những dân-tộc mà họ gọi là dã-man không ?

Hắn là không. Luận diệu giả-dối đó, ngày nay không thè lừa nồi một đứa con nít.

Và ai nấy đều biết rằng, trên thế giới văn minh này chỉ có một lý do đã gây ra cuộc tiếm địa : đó là *Lợi quyền*, là *tiền bạc*, là *sự trực lợi* có *phương pháp* là những món tiền lớn thu vào một cách dễ dàng và vô nhân đạo. Coi qua những nguyên tắc *tố-chức* của thực-dân, ta sẽ thấy ngay thực giả.

CHƯƠNG THỨ NHÚT

NHỮNG NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC NỀN KINH-TẾ THỰC-DÂN

Nước Việt-Nam ta, cũng như nhiều nước khác ở Á-Châu, là một nước mới. Mới, về kinh-tế, có nghĩa là nguyên liệu chưa được khai thác, nền kỹ-nghệ chưa được mở mang, và chỉ có nghề canh nông là phồn thịnh. Thực dân đến, chỉ có mục-dịch trực lợi. Chúng bèn tổ-chức nền kinh tế thực-dân, theo cái máu tham lam của họ, nghĩa là làm sao cho người Việt-Nam chẳng được lợi gì, mà trái lại, lời thu vào tay thực dân hết.

Các nguyên tắc tổ-chức nền kinh-tế thực dân cũng nhiều, chúng ta hãy xét ba nguyên tắc chính.

1. — *Diệt trừ nền kỹ-nghệ Việt-Nam*

Nguyên tắc thứ nhì là diệt-trừ nền kỹ-nghệ Việt-Nam. Có như vậy thì thực-dân đem hàng vào bán ở đây mới không còn sợ cạnh tranh nữa và chúng tha hồ bán lấy lời.

Nếu có tổ-chức nền sản-xuất gì, thì nền sản-xuất đó không được cạnh-tranh với hàng của chánh-quốc.

Theo nguyên - tắc đó, thực-dân không cho người Việt-Nam lập các nhà máy để chế đồ cho người Việt dùng. Họ chỉ cho mở mang các cuộc trồng-tả, như trồng lúa, cà-phê, cao-xu. Ngoài ra, họ chỉ mở-mang những công cuộc khai-thác các mỏ (mỏ than, mỏ sắt).

Mỉa mai hơn nữa, họ mở-mang cùng cuộc trồng-tả, không phải để làm lợi cho ta, nhưng là để họ vơ vét đầy túi (trồng lúa để họ xuất cảng, trồng cao-xu để cho họ bán). Và họ khai thác mỏ là để thu lời một mình. Mỉa mai hơn nữa, họ khai-thác mỏ, chỉ vì những mỏ đó, họ không thể bỏ vô túi mà đem đi.

∴

2. — *Hạ giá nhân-công Việt-Nam xuống hàng súc vật.*

Muốn lời cho nhiều, bọn thực-dân phải làm thế nào ? Cao xu, cà phê, quặng mỏ, than đá, họ không thể tăng giá bán lên, vì giá hàng trên thị trường thế-giới không thể thay đổi. Vậy, muốn được nhiều lợi, họ phải rút các số tiền chi tiêu trong công cuộc sản-xuất, nghĩa là hạ giá nhân-công xuống.

Bởi vậy, ở Việt-Nam, trong các vườn trồng cao-xu, tại các mỏ than, thợ-thuyền bị ngược

đói, ăn cơm lúi, cá khô, với số lương vài cắc một ngày. Người lao-dòng đã thành một tên nô-lệ, hơn nữa, bị hạ xuống hàng súc vật. Việt-Nam đã là thiên-đường thực dân chỉ vì thực dân đã lấy uy-lực mà cưỡng bách được người ta làm việc chúng.

3. -- Tổ-chức quan-thuế nặng.

Điệt trù-nền kỹ-nghệ Việt-Nam không đủ, lại phải làm sao cho hàng ngoại-quốc không thể đem vô bán ở Việt-Nam. Thự-dân bèn tổ-chức quan-thuế nặng nề để cản hàng ngoại-quốc.

Bị đánh thuế quá nặng, hàng nước ngoài không thể đem vào nữa,... trong khi đó, hàng của thực dân một mình chiếm thị-trường có thể bán mắc lên mà người ta vẫn phải mua vậy.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

TỔ - CHỨC ĐỘC QUYỀN

Người Việt-Nam không được quyền tự-do xuất cảng. Các vật-liệu của người Việt sản-xuất đều bị tư-bản thục-dân mua lại với cái giá đặc-biệt. Ví-dụ như lúa, gòn, muối, mía, đều phải bán cho chủ-tỉnh phủ thục dân hay cho các công-ty mà chính phủ đó cho phép mua với giá rẽ-mật định sẵn, rồi các công-ty đó xuất-cảng với giá cao hơn gấp-bội.

Không những người Việt không được tự-do xuất-cảng-lại còn không được sản-xuất hàng để bán trong nước. Bởi vì thục-dân nám-luôn căm-phẫn kinh-tế.

Trong chương-thứ-nhứt, chúng ta đã thấy rằng chung-diệt nền-kỹ-nghệ Việt-nam, để cho hàng-hoa của thục-dân bên-chinh-quốc được tự-do-dem-vào-bán. Nhưng, trước-tinh-thể đó, nầy nòi ra một số-thực-dân ở đây.

Họ thấy rằng nếu mở-một-nhà-máy sản-xuất ở Việt-Nam, thì không mất tiền-vận-tải, lại được nhân-công-rẻ, hàng-sản-xuất-ra-bán-lại-càng-lời-hơn-nữa. Những công-ty thục-dân tư-bản-bèn

vận-dộng dễ mở ở Việt-Nam những nhà máy để cạnh tranh với hàng của chính-quốc. Đó là trường hợp của nhà máy sợi Nam-Định cạnh tranh với các nhà máy sợi ở Ly-ông (Lyon) hay là nhà máy cao su Láp-bè (Latthé) cạnh tranh với nhà máy Mi-sor-lanh (Michelin) bên Pháp, v.v...

Có nhiên là các nhà máy đó thu lời rất nhiều. Nên nhớ là chỉ có các công ty thực dân được mở các nhà máy đó thôi, chủ người Việt-Nam không được quyền đó. Thật vậy, chánh-phủ đập ra các luật lệ để dành riêng mối lợi cho thực dân: Họ đặt ra độc quyền. Mảnh khố của thực dân tàn ác thế nào, chúng ta không thể nói hết, nhưng cũng xin thuật sơ hai vụ để vạch rõ nạn độc quyền mà thực dân đã bầy ra.

1.— Năm 1942, vì có nạn chiến tranh, dân Việt thiếu vải, phải tự-lực dệt lấp vải để mặc. Vải nòi hóa đẹp và bền, bán rất chạy. Đó là mối lợi lớn ! Chánh-phủ thực dân Đờ Cu (Decoux) bên hạ nghị định bắt buộc rằng các nhà sản xuất gòn phải bán hết cho chánh-phủ, để chánh-phủ phân phát. Cố nhiên là số gòn phát cho các nhà máy của thực dân gần hết, nên 'nhiều' nhà dệt vải bỗn xù mất nghề.

2.— Cũng năm 1942, ở Nam-Bộ, biết bao gia đình đã phải cấm hòn thực dân và chánh-phủ

Đờ-Cu. Vì lúc đó, các gia đình làm đường ở Nam-Bộ đương sỉn xuất đê bán, thì thực dân thấy rõ mồi lợi, bèn mua cướp lấy. Toàn quyền Đờ-Cu ra luân một nghị định cướp lấy mía. Nghị định ngày 5-10-1942 định rằng chỉ có chánh phủ và công ty do chánh phủ cử ra mới được độc quyền mía mía ở Nam-kỳ.

Nghị định 17-11-1942, của thống đốc Nam-kỳ, định các miến thi hành nghị định trên.

Nghị định 10-12-1942 của thống đốc thi hành việc thu mía ở Cholon, Tây-Ninh, Gia-Định, Tân-An, Thủ-dầu-một.

Nghị-dịnh 18-12-1942 của thống đốc, định giá mía (người dân trồng mía phải bán rẻ cho thực dân). Nghị-dịnh 15-10-1942 đặt một Hội đồng đặc biệt về mía và đường. Hội đồng này kiểm soát các nhà làm đường ở thời quê, và bắt buộc mỗi nhà phải có đủ khí cụ làm đường, (như một nhà máy!) thì mới được chánh phủ cho phép mía mía. Kết quả : nhiều gia đình sống về nghề làm đường phải thất nghiệp. Mía trồng được phải bán cho mấy công ty của thực dân !

Đó là vài ví dụ trong trăm ngàn trường hợp. Nghị-dịnh tung ra đầy rẫy, lợi hở ra chỗ nào thì có ngay nghị định ở chỗ ấy. Đừng nói chỉ đến việc mở mang nhà máy và mở mang kỹ-nghệ. Đến việc trồng tía cũng bị bó buộc, kiểm chế.

CHƯƠNG THỨ BA

NỀN KINH-TẾ BỊ BÓP NGHẸT

Với những cách tổ chức ngặt nghèo đó, người Việt Nam sống trong sự đau khổ và uất-ức.

Nghề của người Việt đương làm, thực-dân nhảy đến giành giựt và tranh cướp mất. Người Việt cổ sống, theo đuổi một nghề khác, thì thực dân chặn lại, và viện cái độc quyền ra cấm đoán.

Độc-quyền ! Đầu đâu cũng là độc quyền.

Rốt cuộc, người Việt-Nam không thể hoạt động trên trường kinh-tế. Nếu trái phép một chút, thì đã bị sô vào ngực-tù tăm tối, vì mỗi độc quyền đều được bảo vệ bằng những đạo luật khắt khe.

Nói tóm lại, nền kinh-tế Việt-Nam bị bóp nghẹt một cách tàn nhẫn. Và nạn thực dân đã làm lòng người phản uất. Muốn giữ cho mồi lợi về kinh tế được vĩnh-viễn, thực dân bèn chặn luôn cả sự tiến hóa của dân-tộc bị trị. Họ nắm trọn quyền chánh trị đè thi hành các phương pháp « ngu dân », đồng thời che mắt thế-giới bằng cách vu cáo rằng dân-tộc bị trị vẫn còn dã-man, mọi rợ. Lòng oán hờn của dân bỗn

xứ càng tăng lên, thực dân đồng thời lại càng phải tổ-chức lấy vũ-lực để đàn áp những cuộc cách-mệnh mà chúng không thể tránh được.

Thực-dân chủ-nghĩa quả là kẻ thù của nhân loại. Và chế-dộ thực-dân quả là chế-dộ phản tiến-hóa. Nhưng, trong cơn lâm-than, dân-tộc bị trị bao giờ cũng thấy hé những tia sáng. Bởi vì, giữa màn ầm-dập bao quanh, dân-tộc bị trị đã nhận thấy có những yếu-tố chắc chắn để lập một nền kinh-tế tương-lai rạng rỡ.

Phần thứ ba

NHỮNG YẾU-TỐ ĐẶC-BIỆT
TRONG CUỘC XÂY-DỰNG
NỀN KINH-TẾ VIỆT-NAM

Dân-tộc Việt-Nam ngày nay đã nhận thấy
những yếu-tố chắc-chắn để thiết-lập một nền
kinh-tế tương-lai mạnh mẽ và rạng rỡ.

Những yếu-tố đó là NĂNG-LỰC tiềm tàng
trong khối dân-tộc, mà bao nhiêu năm nô-lệ
không thể tiêu-diệt, là cái VỊ-TRÍ đặc biệt của
giải-dất Việt-Nam trong miền Đông-Á và Thái-
binh-dương, là cái kho NGUYỄN-LIỆU vô
tận tích-trữ từ Lào-kay — Lang-sơn, đến Hà-
Tiên — Rạch-giá. Ta lại còn phải kể đến một
yếu-tố cũng thập phần quan-trọng, là cuộc tò-
chức mới trong cuộc giao-dịch và trong nền
kinh-tế hoàn-cầu. Yếu-tố này không riêng gì
cho Việt-Nam, mà chung cho cả thế-giới.

CHƯƠNG TỰU NHÚT

NĂNG LỰC CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM

Năng lực của một dân-tộc là yếu-tố quan-trọng nhất trong cuộc phát-triển của dân-tộc đó trong mọi ngành hoạt-động: kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, chính-trị, v.v... Năng lực của dân Mỹ, dân Nga, đã thay đổi hàng trăm ngàn cùi số vuông sá-mạc thành những miền trù phú. Năng lực của dân Việt chưa thể sánh với năng lực Mỹ, Nga, nhưng trong lịch-sử và trong thật-tế, dân Việt đã tỏ ra mạnh mẽ vô cùng.

Lịch-sử đã chứng tỏ sức sống mảnh-liệt của dân-tộc ta. Hơn 10 thế-kỷ, Việt-Nam đã sống dưới quyền đô-hộ của bọn thợ-dân Trung-quốc. Người ta có thể tin chắc rằng, chìm đắm trong nô-lệ lâu như vậy, người Việt đã bị Trung-Hoa đồng-hoa từ bao-lâu rồi. Vậy mà không ! với năng lực phi-thường, dân Việt đã giữ được nguyên-vẹn binh-sắc và lật-dò ách-thợ-dân phương Bắc.

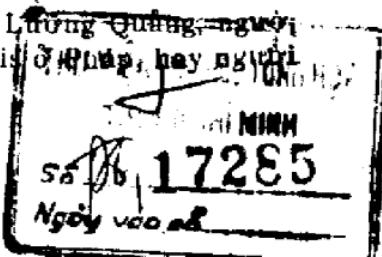
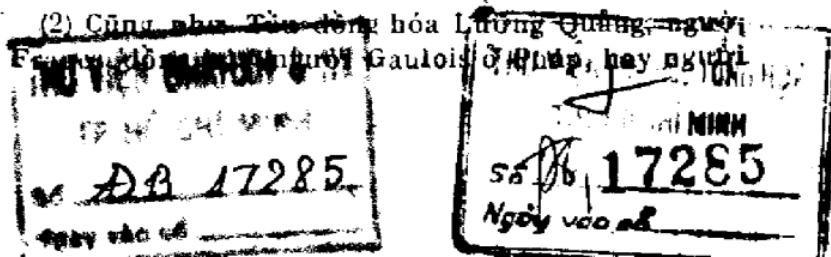
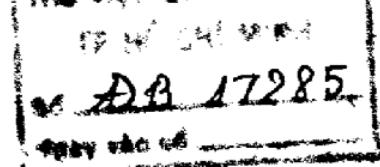
Từ năm 939, Việt-Nam deeri xương mưu quyết giữ nền độc-lập. Phá-Nam Hán, đánh Tống, diệt Mông-Cồ, tận-diệt quân Minh, đánh tan quân Mãn, dân-tộc Việt-Nam nhỏ bé đã ghi hùng-chục

lần tranh hùng với anh khồng lồ Trung-hoa, mà không lần nào chịu thất bại.

Năng lực tiềm tàng trong dân tộc, còn mạnh hơn nữa, và xuất phát ra ở cuộc Nam Tiến. Đất đai từ Huế, Đà-Nẵng trở vào, đến Cà-Mau, Hà-Tiên, trước kia đâu có phải của dân Việt ? (1) Tuy nhiên dân Việt đã lần lần hành trướng, khai thác mọi nơi được, cũng là nhờ ở năng lực sẵn có. Đừng ai vội công kích là dân Việt hiếu chiến : họ đã đánh Chiêm-Thành để tự-vệ mà thôi, bởi vì dân Chiêm quấy rối đất của họ, nhất là đã đánh lén tận Thăng-Long (Hà-nội). Cuộc xâm lược đất đai Đồng-Nai, Bến Nghé thật ra đã thực hành bằng cuộc hành trướng hòa bình trên những miền hoang-vu. Hàng dám người Việt, già trẻ, già bé, đã cùng đưa nhau đến đó, lập nghiệp, đào sông, phá rừng, mở đường, khai ruộng, đã tưới mồ hôi, tuơi máu lên những miền bao la mà dân bản thô đã vì không có năng lực mà bỏ làm hoang-dịa. Người Việt đã việt hóa cả miền đồng bằng sông Cửu-long vậy (2).

(1) Đất Nam Trung-bộ của Chiêm Thành; đất Nam-bộ của Cao Miêu.

(2) Cũng như Tùy đồng hóa Lương-Quảng, người Gaulois, tên là người Gaulois ở Pháp, hay người



Và mới đây, mới gần đây, dân Việt trải qua một thời kỳ khẩn-ghoảng tinh-thần, với chủ-nghĩa cá-nhân và phong-trào khoái-lạc mà bọn thực-dân reo-rắc vào đây để diệt tinh-thần chủng-tộc. Phong-trào đó hành-trường từ 1935 đến 1939, tưởng-chừng như đã đưa dân Việt xuống vực-thẳm. Nhưng chính trong nguy-cơ đó, với xu-hướng biển-cái mạnh-mẽ, dân-tộc Việt chỗi dậy thoát hẳn cơn hiemi-ngheo rồi tiềm-tàng lực-lượng để vững-tiến ngày nay.

Vài ví-dụ đủ-đủ cho ta tin ở năng-lực dân-tộc. Hơn nữa, ta có thể xét-nghiệm năng-lực theo phương-pháp khoa-học.

Xét năng-lực của một dân-tộc, trước hết xét súc-sinh-sản, rồi xét đến tài-ba.

1: — Súc-sinh-sản của dân-tộc.

Có súc-sinh-sản mạnh thì dân-mới đông, dân-có-đông thì súc-làm-việc-mới-mạnh và nước-mới-vững-vàng. Súc-sinh-sản bối-vậy là một yếu-tố-rất-quan-trọng. Ta hãy nói ngay : « Về mặt này, Việt-Nam không nhường-một-nước nào hết ».

Ấu-đồng-hóa đất-Bắc-Mỹ. Bon-thực-dân từng nói : « V.N. phải trả đá. Nam-kỳ cho Cao-miên ! » Nói-vậy có-khác-chỉ nói người Mỹ phải trả đất Huê-kỳ cho dân-da-dỏ, hay là Trung-Hoa phải trả Lưỡng-Quảng cho Việt-Nam ? » Thật là mực-cười !



Theo lời giáo sư Rò-bor-canlı (Robequin), « Trong bán-dảo Đông-duong, lịch-sử đã tố rõ sự tiến-bộ liên-liếp của một dân-tộc ngày nay đã giữ phần ưu-thắng. Người Việt-Nam hiện nay chỉ ở có một phần đất dai nhỏ bé — non một phần mươi diện tích Đông-duong — nhưng là đoàn-thể đông đúc nhất, cách xa các đoàn-thể khác : 15 triệu trong số 20 triệu dân. Họ không hay ra khỏi các miền đồng bằng, nhưng ảnh-hưởng của họ đã thâm nhuần vào nội-dịa ».

Năm 1939, các cuộc điều-trá cho biết những con số lớn hơn ; « Dân số Đông-duong được 23 triệu, trong số đó người Việt-Nam chiếm 82 phần trăm, tức là 19 triệu ».

Theo giáo-sư Gu-Ru (Gourou), thì dân « Bắc-Bộ » có « chỉ số sinh sản » vào bậc nhất trong hoàn cầu : cứ 1000 người, thì mỗi năm có 38 người sinh và 19 người chết, nghĩa là lợi thêm 18 người mỗi năm, trong số 1000 người » (1).

Lấy chỉ số 15 thôi, mà tính ra, ta sẽ thấy rằng nếu không có những tai nạn giết người ghê gớm (như nạn đói, nạn chiến-tranh), thì ngày nay dân số Việt-Nam đã lên tới 23 triệu. Và trong 50 năm nữa, ít nhứt là lên tới 40 triệu.

(1) Chỉ số cao nhất ở Âu-châu chỉ có 10 (tăng thêm 10 người mỗi năm, trong số 1000 dân). Đó là chỉ số của nước Bỉ.

Chỉ số đó lại càng cao nữa, nếu ta có đủ các tổ chức y-tế, vệ-sinh, xã-hội, (các nhà hộ-sinh, các bà mụ có bằng cấp, các bác sĩ v.v..) để săn-sóc đến đời sống của các em nhỏ sơ-sinh.

Đồng dân, ấy là yếu tố đã làm việc mạnh mẽ. **Nước Việt-Nam** trong cuộc kỹ-nghệ hóa hẳn là không lo thiếu nhân-công.

2. — Tài năng của dân-tộc

Tài năng, hay là tính chất dân tộc Việt-Nam không được bộc-lộ trong thời kỳ thực dân vì dân Việt không được huấn-luyện, không được tự do hoạt động, không được mở mang kỹ-nghệ và thương mại. Tuy nhiên, tài năng và tính chất vẫn tiềm tàng kín đáo bên trong, để đợi ngày tự do thì phát xuất ra mạnh mẽ.

Là người Việt-Nam, tôi ca ngợi dân tộc Việt-Nam, người ta sẽ bảo : Mẹ hát con khen... Nhưng đây, một vài chứng ngôn trong số hàng trăm lời bình phẩm của ngoại quốc ca ngợi tài năng dân Việt :

«*Dân Việt-Nam có những đức tính lớn lao đẹp đẽ vì bền vững mà người Pháp ở thuộc địa không mấy khi biết đến. Người Việt-Nam có trí quan-sát tinh-vi, có óc tinh-tế, khôn ngoan, sạch sẽ, chăm chỉ (mặc dầu mẩy lồi vụ cáo là đơ bần, lười biếng) hoạt động, hiếu học, khéo léo, có óc*

mỹ thuật và thi sĩ. Thật là một dân tộc có tài năng và không phải là không có trí óc.»

Đó là lời bình phẩm của giáo sư Bôn Mô Nê (Paul Monet), trong cuốn «người Pháp và người Việt» (Français et Annamites). Và đây nữa, một lời của Catus-Quinzat, trong báo «Bác Ái» (Fraternité), tháng 12, năm 1945.

«Ta có thể chắc chắn rằng trong một thời gian ngắn người Việt-Nam sẽ nắm trọn quyền xây dựng đất nước họ. Toàn thể các nhà quan sát ngoại quốc đã phải nhận rằng nhân công Việt-Nam rất khéo léo và biết biến cải rất mau chóng để thích hợp với nền kỹ nghệ tối tân.

«Nếu đất Đàng-dương được tự-do phát triển về các ngành học vấn thì chỉ 5 năm, hay 10 năm, đã đào tạo được đầy đủ các nhà chuyên môn có thực tài. Đối với một dân tộc đã trưởng thành đừng có nói rằng họ «có tài saxe hay không có tài saxe», phải để cho họ tự do trước đã.»

Một vài chứng-ngôn vò-tư đó, của ngoại-quốc đủ để cho chúng ta tin ở tài năng chúng ta và tin cậy ở tương lai của một nền kinh-tế mạnh mẽ trong một nước Việt-Nam sáng lạn.

CHƯƠNG THỨ HAI

VI-TRÍ ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT-NAM

Nước Việt-Nam từ thượng cổ vẫn có một địa vị quan trọng đặc biệt.

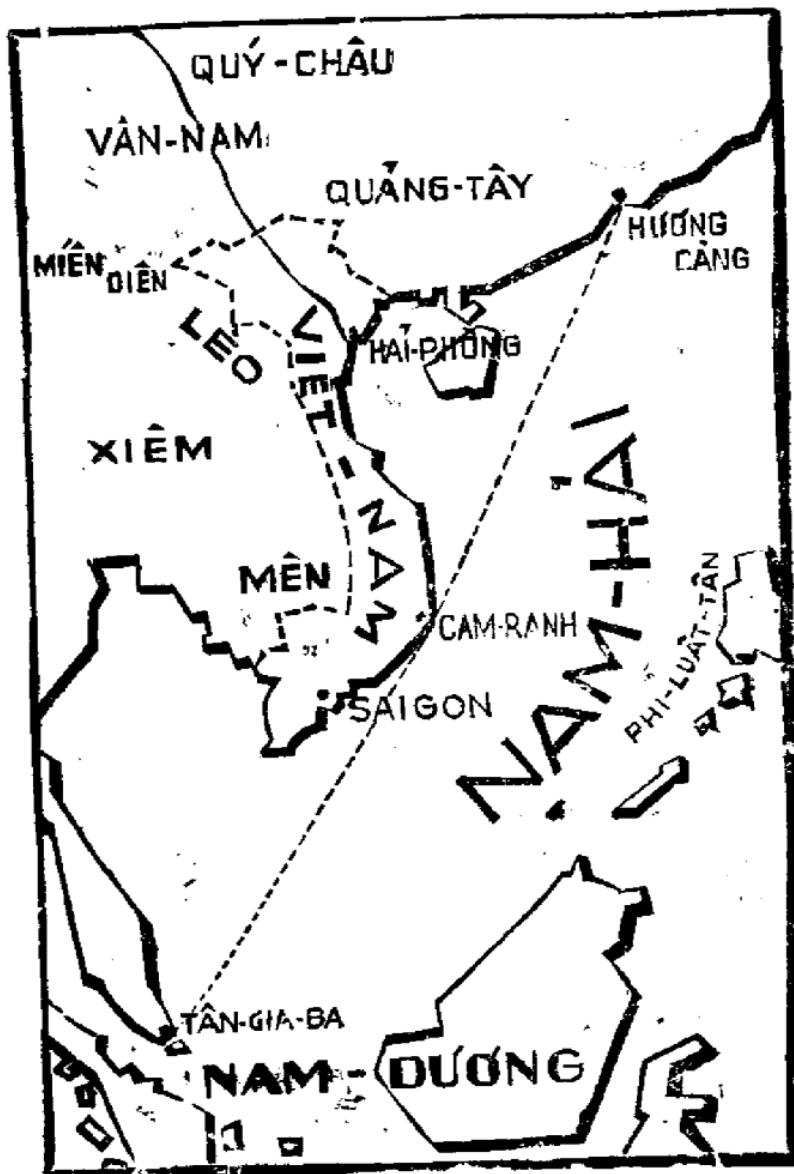
Trước hết Việt-Nam ở giữa hai khối không lồ: Trung-Hoa và Ấn-Độ, hai nơi phát xuất hai nền văn minh, và rồi đây sẽ thành hai khối kinh-tế thập phần mạnh mẽ.

Sau nữa, là Việt-Nam trông ra Nam-Hải mà chung quanh Nam-Hải, là Mã-lai bán đảo, Nam-dương quần đảo, và Phi-luật-tân. Nam-hải có vị trí quan trọng như vậy, nên thành nơi tụ hội của miền tây nam Thái Bình - dương, và sẽ vô cùng quan trọng. Người ta gọi Nam Hải là Địa trung. Hải của Á-châu cũng không quá đáng. Việt Nam trông ra Nam Hải, sẽ là một nơi quan trọng, một trung-tâm diêm trong nền giao-dịch hoàn cầu, và sẽ thành một nơi hết sức phồn thịnh.

Hơn nữa, đây là những yếu tố « ghê gớm » trong cuộc phát triển kinh-tế của Việt Nam :

Trong vào bản đồ (trường bên) ta nhận thấy hai điều:

1--Vị trí của Bắc Bộ—Nội-dịa Trung - Hoa (Vân Nam, Quảng-Tây, Quý-châu, v.v...) là cả



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CỦA VIỆT-NAM

một khu hàng trăm triệu người, có những nguyễn
hiệu và tận chưa được khai-thác. Chiến tranh đã
kết liễu rồi, miền Nam Trung Hoa đó sẽ được
mở mang về kỹ nghệ và thương mại, dưới quyền
lãnh đạo của chính phủ Trung Hoa, và quyền
trông noin của người Mỹ (tacó thể chắc như vậy).
Nền kinh tế ở đó tuy nhiên sẽ bị « nghẹt thở »
nếu không thông được ra ngoài, để giao dịch với
thế giới (lỗi vì đường đi Thượng Hải và Hướng
Cảng xa quá). Nhưng dày, đất Bắc-Bộ Việt-Nam
ăn thut lui vào nội-dịa miền nam Trung Hoa
thình ra con đường sông Hồng Hà và 2 con
đường xe lửa Hải phòng — Lào cai — Vân nam
và Hải phòng — Lạng sơn (sẽ làm tiếp đến Nam
ninh) là những con đường tiện lợi nhất và ngắn
nhất, để cho miền nam Trung Hoa thông ra biển.
Bắc Bộ Việt-Nam nhờ vậy còn có địa vị làm môi
giới trong cuộc giao-dịch quốc-tế giữa Trung
Hoa với thế-giới. Việt-Nam sẽ không sống cách-
biệt, mà phải nhập vào đoàn-thể thế-giới để
bành trướng hơn nữa. Và ta có thể nói rằng
tương lai Hải phòng sẽ vô bờ bến (1).

(1) Các nhà kinh-tế-học ngoại quốc đều nhìn
nhận như vậy, và nhất là các chính giới Trung Hoa.
Chinh Tôn Khoa là con Tôn Văn, hiện nay là chủ
tich viện Lập Pháp Trung Hoa, có nói rõ rằng nền
kinh tế miền nam Trung Hoa sẽ phải nhờ vào Bắc
Bộ Việt-Nam làm nơi thông thương với quốc-tế.

2 — Con đường giao dịch Âu-Á trên đoạn đường từ Tân-gia-hà (Singapore) sang Hướng-cảng, đi sát vào bờ biển Việt-Nam, nơi chạm vào vịnh Cam-Ranh. Bởi vị trí tiện lợi đó, Cam-Ranh sẽ thành một hải-cảng quan trọng bậc nhất ở Đông-Á, nếu sẽ có những đường xe lửa lớn nối liền với Sài-gòn, Nam-Vang và Cao-Mèn, Lèo Xiêm... Ta chắc chắn rằng : ba hải cảng Hải, Phòng, Cam Ranh và Sài-gòn sẽ là khu trung tâm-diểm của cuộc giao-dịch quốc-tế tại miền đông nam Á-châu vậy.

CHƯƠNG THỨ BA

NGUYÊN-LIỆU ĐẦY ĐỦ CỦA VIỆT-NAM

Những nguyên-liệu vô-tàn của Việt-Nam là căn-bản chắc chắn để thành lập nền kỹ-nghệ hóa tương-lai. (1)

Xét về nguyên-liệu, ta phải chia ra hai thứ : nguyên-dòng-lực hay là nguyên liệu dùng vào việc chạy máy, và nguyên-liệu dùng vào việc chế-tạo.

1. — Nguyên-dòng-lực

Về nguyên-liệu chạy máy, Việt-Nam có rất nhiều. Bắc-Bộ thì thật là cả một kho than đá. Từ Phả-Lại, Đông-Triều, một mỏ than bao la chạy vòng tới Hòn-gay, Tiên-Yên, dài hơn 150 cây số, có những lớp than dày dặn và ở gần mặt đất, làm cho cuộc khai khẩn được dễ dàng.

Ta hãy kể một vài khu mỏ :

Khu Hà-tu, có 4 lớp than

Khu Hồng-gai, có 10 lớp than. Có những lớp dày tới 6 thước.

(1) Công cuộc kỹ nghệ hóa cần có ba căn-hمن chắc chắn, là phải có nguyên liệu, phải có nhân công tinh tế, phải có nguồn tiêu thụ.

Khu Đông-Triều, có 2 phần: phần ở phía bắc, có tới 10 lớp than (mới đương khai khẩn có 4 lớp), và phần ở phía nam, có tới 20 lớp.

Sức sản xuất còn rất dè-dặt, mà, năm 1939, đã tới 2.115.000 tấn, năm 1940, 2.500.000 tấn, và đã đứng vào hàng thứ 5 ở Châu Á. Số sản xuất còn ít chỉ vì nền kỹ-nghệ ở Đông-dương chưa có gì, và chưa tiêu thụ nhiều than đá.

Về phẩm, than Bắc Bộ cũng rất được chuộng. Lúc đầu, còn bán ở Đông Á, về sau bán ra khắp hoàn cầu, cạnh tranh cả với những thứ than có tiếng như than Pen-sin-va-ni (Pennsylvania) của Mỹ, than gan (Gales) của Anh, than Đô nết (Donetz) của Nga.

Than đó phần nhiều là than khô, nên phải nhập cảng thêm than mỏ. Tuy nhiên, Bắc Bộ cũng có những mỏ than mồ quý giá như ở Phủ nhô quan (Ninh Bình) và Phan mě (Thái nguyên). Mỏ Phan-niě có tới 10 lớp than, dày 20 thước. Ngoài ra, còn có những mỏ than lignite ở Đồng-Giao, Tuyên Quang và Lạng Sơn.

Than đá là nguyên động lực cần thiết cho nền kỹ nghệ, vì đốt lên, làm cho máy chạy, hay là chuyển ra sức điện cũng làm cho máy chạy. Tỷ dụ như các nhà máy ở Nam Bộ đều dùng điện để chạy máy, mà điện thì chính là do than đá làm

quay máy điện phát ra. Ta có than, có thể mong phát điện khắp đồng quê nữa. Thật vậy, theo lời giáo sư Rô-bo-can (Robequin) :

« Số sản xuất than đá hàng năm ở Bắc Bộ có thể sẽ tăng lên gấp bội, và mỏ than ở đó có thể coi như vò tần. »

Ngoài than đá ra, Việt Nam lại còn là cả một kho chứa than đá trắng (houille blanche), hay là thủy điện.

Thủy điện là gì ? Sức nước ở sông rất mạnh. Nếu đắp đập cản lại, rồi cho nước chảy vào máy quay điện, hơi điện sẽ phát ra, phản phát đi mọi nơi để dùng trong các nhà máy. Đó là điện do nước sản xuất ra, gọi là thủy điện. Đất nước Việt, lâm núi non, thác nước, sòng ngòi. Từ nam chí Bắc, nhất là ở Bắc, sẽ có thể mở những nhà máy điện lớn lao.

Chúng ta có thể lạc quan mà kết luận rằng về nguyên động lực, nước Việt Nam ta có thừa.

Chúng ta lại không thể quên nhắc đến một sự rất lạ : Việt-Nam cũng có mỏ dầu hỏa (dầu sảng) nữa ! Người ta đã khám phá được mỏ dầu hỏa trong miền Thanh hóa, nhưng chưa rõ tính chất mỏ đó thế nào.

2 - Nguyên liệu chế-tạo

Nguyên liệu chế tạo là nguyên liệu dùng trong vền kỹ nghệ để chế ra các đồ dùng — như sắt dùng để chế ra kéo, dao, xe hơi, gỗ dùng để làm nhà, làm bàn ghế, v.v... .

Về nguyên liệu chế tạo, — chia ra 2 thứ : nông làm sản vật và kim khí — nước ta vốn là một nước rất giàu.

a) *Nông làm sản vật* — Về nông làm sản vật, những hứ quý giá nhất của ta là gạo, bắp, đường, tiêu, cà phê, trà, cao su, gòn, đay, tơ tằm, và cày (gỗ).

Cao su có thể dùng để chế ra hàng trăm thứ đồ dùng.

Cày dùng làm nhà, đóng đồ đặc.

Gòn, đay, tơ dùng để dệt vải và lụa, v.v...

Vì có nhiều nguyên liệu nông làm sản vật, ta sẽ mở nhiều nhà máy để chế hòa rã các đồ dùng hàng ngày. Nào nhà máy cao su, các nhà máy chế đồ bằng cày, các nhà máy sợi, nhà máy làm đường, v.v... Ngoài ra, nhờ có nhiều gạo, ta sẽ có kỹ nghệ cất rượu.

b) *Khoáng vật* — Nước ta có rất nhiều mỏ : mỏ kẽm, mỏ sắt, mỏ thiếc, mỏ vàng, mỏ thủy ngân, mỏ bạc, mỏ phốt phát (phosphate), mỏ tungsten, mỏ antimoine, v. v... Các mỏ đều quy tụ ở Trung Bộ và nhất là Bắc Bộ.

Về kẽm, ta có các mỏ lớn nhất ở Trảng Đà, Lang Hít, Thanh Mói, Chợ Điền và Yên Lĩnh (trung du và thượng du Bắc Bộ). Số sản xuất hiện chế trong thời thực dân đã đặt Bắc Bộ vào hàng thứ ba ở Á đông và hàng thứ 12 trong hoàn cầu.

Về thiếc và tungstène, ta có cả một trái núi ở Tinh túc, cách Cao Bằng 56 cây số, chứa đầy quặng mỏ đó. Lại có cả quặng chì và bạc.

—Về quặng sắt (chế ra sắt, gang, và thép) số sản xuất ở Bắc-Bộ còn ít quá, (trong thời thực dân) nhưng chỉ vì chưa được mở mang và khai khẩn đầy đủ.

Mỏ sắt Thái Nguyên chứa rất nhiều quặng sắt.

Ta lại còn biết rằng, theo kết-quả của nhiều nhà địa chất học (như Hoffet) trong khoảng từ Yên Bác đến Lào Kay «có một mỏ sắt lan rộng trên 80 cây số, là một kho trữ sắt rất lớn ở dọc sông Hồng Hà có các điều kiện tiện lợi cho sự khai khẩn.»

Ngoài ra, chắc chắn là còn nhiều mỏ khác nữa mà các nhà địa chất học chưa khám-phá ra.

Ta lại còn phải kể những mỏ cốt phát ở Lạng Sơn và ở Thanh Hóa, mỏ vàng ở Bồng Miêu (Trung Bộ,) và nhiều mỏ khác nhỏ, rải rác trong nước.

Chúng ta có thể kết luận rằng nước ta có đủ nguyên liệu,— nếu không phải là thừa nguyên liệu— để tạo lập một nền kỹ nghệ mới. Vâ chăng, dù có nhiều nguyên liệu dì nùa, ta vẫn có thể dùng nguyên liệu ngoại quốc (như quặng sắt của Trung-Hoa, gòn của Ấn Độ, v.v...) để chế hóa ra đồ dùng.

Ở vấn đề «nguyên liệu», lòng ta cũng tràn ngập mối hi vọng vô bờ bến.

(Xem bản đồ kinh-tế ở đầu sách)

CHƯƠNG THỨ TƯ

ÀNH-HUỐNG CỦA NỀN KINH-TẾ HOÀN-CẦU

Thế-giới ngày nay không thể chia sẻ thành những ô nhỏ. Một nước, dù nhỏ, dù lớn, dù địa thế hiểm trở đến đâu chăng nữa, cũng không thể sống biệt lập về kinh-tế.

Thế-giới đó đang thành hình — và sẽ tạo lập nền trong một thời-gian ngắn. Các cuộc hội nghị kinh-tế quốc-tế Br-rét-tông-út (Bretton-Woods), Genève, và hội nghị Liên-Á cung ứng lực cho lời nói đó.

1.— *Tổ chức cũ đã hết thích hợp*

Chỉ có dăm năm sau cuộc chiến tranh 1914-18, cuộc kinh-tế khủng-hoảng đã xảy ra. Nó xảy ra là vì các nước tăng giá sản xuất nhiều quá, hàng hóa không ai mua hết, tích lại, và hạ giá một cách kinh hồn. Nhà máy phải ngừng chạy, thuyền bị mất việc, nền kinh-tế các nước bị lâm nguy.

Lập tức, các nước tìm cách tự-vệ. Quan thuế tăng lên, sự giao-dịch bị kiểm-soát gắt gao. Thế

giới bị chia ra thành những khu kinh-tế biệt lập và nhiều nước bị nghẹt thở. Những nước bị nghẹt thở phần nhiều là những nước không có thuộc địa, tức là không có thị trường. Không kiếm được nơi bán hàng, họ bèn đúc súng, đạn dược di cư ở thị trường. Chiến tranh xảy ra, tàn ác, khốc liệt. Sáu năm qua, thế giới bùng tĩnh, thấy rằng phải tìm cách tổ-chức mới cho nền kinh-tế hoàn cầu để khởi đi đến một cuộc chiến tranh thứ ba, nghìn lần kinh-khổng.

2.— Tổ chức theo các Hội nghị Đồng-Minh

Tháng 7 năm 1944, khi Đồng-Minh đã chắc chắn thắng trận, bèn triệu-lập tại Bretton-Woods (Huette kỳ) một Hội-nghị 44 nước để bàn định cách tổ chức kinh-tế hoàn cầu sau chiến tranh.

Hội-nghị đã định rằng sẽ lập một «Quỹ thế giới» gồm 8.800 triệu Mỹ-kim, mỗi nước phải góp vào đó một số tiền vàng để làm thiêt hiện những công cuộc có ích cho thế giới.

Ngoài ra, lại quyết định lập một «Ngân Hàng Quốc tế» có số vốn 9.100 triệu Mỹ kim để cho các nước vay để kinh doanh.

Nhưng mục đích chính của hội nghị là tổ chức một nền giao dịch tự do, để đoàn thè nhận loại được tự do buôn bán trên những căn bản vĩnh viễn và hợp lý. Như vậy, thế giới sẽ tránh

dựa sự chia rẽ thành những khu nhỏ, và những hàng rào quanh thuế sẽ bị bẻ bỏ. Tổ chức này có nghĩa là cấm độ thực dân phải logo ra khỏi trái đất này.

Mục đích đó do tổng trưởng kinh-tế Huê-kỳ, ông Mo-gien-tò (Moigenthaler) trình bày. Hội nghị chưa quyết định hẳn, nhưng ta có thể nói trước rằng một nền kinh tế chung dễ thở sẽ thực hiện. Nhất là hội nghị Genève ở Thụy-sĩ cũng bàn đến vấn đề đó. Và cả hội nghị Liên-Á cũng quyết định những nguyên tắc về cuộc giao dịch ở Á châu và về nền kinh tế quốc gia để thay thế cho nền kinh tế thực dân.

Nước Việt Nam là một phần tử của thế giới, sẽ nhập vào khối giao dịch của hoàn cầu, và sẽ phải tùy ở các điều kiện tổ chức cuộc giao dịch để mà ứng đổi lại, để tổ chức lấy nền kinh tế của mình cho thích hợp nhất và mạnh mẽ nhất.

Phần thứ ba

MỘT NỀN KINH TẾ TƯƠNG LAI

Giữa muôn ngàn tiếng hô reo tràn động miền Đông-Á, một buổi sáng kia, dân tộc Việt-Nam bừng mắt trong một hàn trời sáng lạn. Tự do đã tự do. Nền độc lập bão đảm cho một tương lai rực rỡ. Và cả một dân tộc phẫn khởi lao mình vào phận sự để xây dựng một nền kinh-tế quốc-gia.

Cuộc tranh đấu gay go từng ngày, từng giờ, vì không những phải đánh đổ lốt cũ, còn phải tao cả một nền kinh tế chưa hề có, và, trên trường quốc tế, phải cạnh tranh với biết bao nhiêu nước cũng đương nỗ lực như mình.

Chánh phủ, với những nhà chuyên môn giúp việc, đã nắm trong tay hết các then chốt để điều khiển cuộc tranh đấu. Sau nhiều cuộc thảo luận, Chánh phủ đã quyết định thực hành liên tiếp những chương trình kinh tế ba năm. Vì sao lại ba năm? Vì cuộc tiến triển của Việt-Nam cần phải mau chóng và phải đạt những kết quả trông thấy. Trong giai đoạn đầu, Việt-Nam sẽ kiến thiết nền kinh nông và tiểu công nghệ để lấy vốn

lập căn bản cho nền đại kỹ nghệ, để tiến đến giai đoạn sau.

Trong công cuộc mở mang, Việt-Nam hẳn không sợ thiếu kỹ sư chuyên môn, bởi vì, ngoài số kỹ sư hiện có, Chính phủ đã lập tức tiến hành cuộc đào tạo nhân viên chuyên môn. Vả lại, các nhà chuyên môn ngoại quốc sẵn sàng xin giúp.

Các hội chẩn hưng tiều công nghệ, các công ty giao thông, công ty hàng không kế tiếp nhau thành lập dưới quyền bảo trợ của chính phủ.

Chương trình kinh tế đã vạch sẵn, Việt-Nam mạnh mẽ tiến lên đường.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

KIẾN THIẾT NỀN CẠNH NÔNG.

Còn đường đi bao nhì đã vạch sẵn, Việt Nam, vốn là một nước sống về canh nông, hẳn phải lấy nông sản làm nguồn lợi đầu tiên. Và có nhiều là trong giải đoạn thứ nhất của cuộc phát triển kinh tế, nền canh nông sẽ được phát triển trước nhất, để làm cho quốc gia mau giàu mạnh, giai đoạn này sẽ giúp cho công cuộc đặt cùn bùn nền kỹ nghệ hóa.

Trong những năm trước đây, 74 phần trăm trong số hàng xuất cảng toàn là nông sản : Gạo, ngô, cao su... Cây lúa giữ vị trí, vì chiếm 88 phần trăm diện tích trồng trọt, mà ngô chỉ có hơn 6 phần trăm, còn cao su, 2 phần trăm. Năm 1940, Việt-Nam sản xuất được 8.000.000 tấn thóc.

Số lúa xuất cảng rất nhiều.

Tuy nhiên, ta đừng làm tưởng rằng nghề nông ở nước ta đã được mở mang trong thời thực dân.. Trái lại, nhà nông vẫn làm việc với những dụng cụ cũ xưa. Vẫn chiếc cày và chiếc bừa cồ. Bón ruộng, vẫn chỉ có phân. Hạn hán,

thủy lợi, và nước mặn, hàng năm vẫn làm hại mía màng.

Con số sản xuất đủ chứng tỏ.

Ở Việt-Nam, mỗi mẫu chỉ sản xuất 13 tạ. Ở Nhựt, số sản xuất mỗi mẫu tối 33 tạ, ở Trung-Hoa 19 tạ, ở Xiêm 18 tạ, ở Miến-Điện 17 tạ. Ngoại quốc hơn ta là vì chính-phủ cũ i họ biết săn sòe đến nghề nông.

Bởi vậy, việc trước nhất của chính phủ là mở mang đất trồng trọt và chấn-hưng nông-nghiệp.

Các nông-phố ngàn hàng đặt ra mọi nơi, để nông dân được vay thóc và mướn dụng cụ, tránh được nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê, nhất là ở Bắc-Bộ.

Các cơ-quan chỉ-huy công cuộc chấn hưng nông nghiệp cũng thành lập. Các lớp phô-thông mở ở các lинг, dạy cách trồng lúa theo khai-học. Mỗi kỳ gieo mạ đều có ủy cho những ban chuyên môn lựa thóc giống phát cho dân. Các nhân viên của chính phủ luôn luôn đi khéo xít ruộng nương, phân chất đất để bón và hay bón phốt-phát tùy từng nơi. Đồng thời, các lưỡi cày được chế-hóa tinh xảo hơn, trong khi đợi nền kỹ nghệ chế-hóa những máy móc làm ruộng.

Các ban chuyên-môn ra công dắp những con đê chắc chắn và khơi sông để tháo nước. Nạn lụt không còn xảy ra nữa.

Hạn hán cũng hết hoành-hành, vì không những đã dập thêm nhiều dập, chính phủ còn cho đào sông, ngòi để phân phát nước đi khắp nơi. Ở Nam-Bộ, thi khơi sông, đào ngòi để thoát nước thoát khỏi những miền vũng lầy, đoạt thêm những đất đai bao la để khuếch-tuồng sự trồng trọt.

Trong một hạn ngắn, ba năm thôi, số lúa sản xuất đã tăng gần gấp đôi. Nam-Bộ súng túc vô hạn, Bắc-Bộ thừa gạo báu ra ngoài, tiền thu vào tràn trề. Các hải-cảng chật nich tàu bè tới buôn gạo. Việt-Nam giàu rồi ! Họa nứa nẽa tiêu công nghệ cũng thu khá tiền của ngoại quốc vào trong nước.

CHƯƠNG THỨ HAI

KHUECH TRUONG TIEN-CONG NGHE

Đồng thời với cuộc mổ mang canh nông, chánh phủ nỗ-lực trong việc khuêch trương tiễn công nghệ.

Khuêch-trương tiễn công nghệ là phương pháp cần thiết để nâng cao đời sống dân quê. **Hoa nở**, do sự mổ mang canh nông, giá tăng sáu mươi cát nông dân, tiễn công nghệ, phải tiến bước lên để theo kịp sáu mươi đó, không dễ hờ cho hàng ngoại quốc tới cịnh tranh.

Nên nhận rằng nền tiễn-công-nghệ đã khuêch trương một cách khâ quan vò cùng ở Việt-Nam, nhất là ở Bắc Bộ, vì thời kỳ thế giới chiến-tranh bắt buộc Việt-Nam phải tự cung cấp lầy. Do những máy móc tần thường tự chế tạo, người Việt đã làm ra hàng hóa tinh sảo, từ cái đinh, cái khóa, cái spong, vải may dồ tay, đèn xe máy. Thỏa què Bắc Bộ có tới 54.450 khung cùi đệt vải.

Chiến-tranh kết liễu rồi, nền tiễn-công-nghệ vẫn cố phát triển. Có người lo rằng mai mốt đây, hàng ngoại quốc tinh xảo hơn, sẽ bán trong nước ta và đánh chết nền tiễn-công-nghệ Việt-Nam.

Không thể quá lo như vậy, vì các bậc cầm đầu đã hiền cách đề phòng, bảo vệ hàng nội hóa, chỉ rõ các phương pháp làm việc để cạnh tranh, để sản-xuất đồ đẹp, bền. Những nghề có thể bị đào thải sẽ được chuyển sang những ngành hoạt động mới, lại lập ra các cơ quan để bảo vệ cá giới tiêu-công, để tránh cái nạn những kẻ làm trung-gian trực lợi (như cái nạn khách trú).

Ta không lo gì hết, nhất là ta có những ngành tiêu-công-nghệ mà ngoại quốc không thể cạnh tranh nổi.

Đó là : 1) những ngành tiêu-công-nghệ sản xuất những sản phẩm mỹ-thuật làm bằng tay, như nghề dệt, nghề chạm gỗ, nghề làm ren, nghề thêu, nghề làm sà cù (cần), nghề làm đồ ngà, nghề làm đồi mồi (Hàtiên) v. v...

2) những ngành có tính cách địa phương, như nghề thợ rèn, thợ mộc, nghề dệt rò, rá, làm sáo, làm vồng, cất rượu, dệt lụa.

3) những ngành công nghệ sửa chữa : sửa máy móc; máy điện, máy xe hơi v. v...

Không, đại kỹ-nghệ ngoại quốc không thể đánh đổ được những nghề đó. Và, trái lại, các nhà tiêu công nghệ sẽ làm vang danh Việt-Nam, vì chúng ta đều chắc rằng đồ khảm, đồ chạm, đồ thêu, đồ đồi mồi, đồ ngà, đồ vàng bạc Việt-Nam sẽ tràn lan trong thế giới...

CHƯƠNG THỨ BA

CÔNG CỤ QUỐC DỊ-DÂN VÀ BÀI TRÙ SỐT RÉT

Công cuộc di dân và bài trừ sốt rét là cả một phần lớn trong chương trình kinh tế : tương lai rõ ràng của Việt-Nam sẽ tùy theo công cuộc đó.

Tại sao phải di dân ?

Muốn hiểu rõ hãy so sánh miền đồng bằng với các miền núi. Miền đồng bằng Bắc Bộ có 7 triệu dân, mà miền trung du, thượng du rộng hơn 8 lần, lại chỉ có 1 triệu dân thôi. Nơi thì nhiều người quá, nơi lại ít quá. Vì vậy, phải di dân lên trung du và thượng du, thì mới mở mang được những miền trên, làm giàu cho nước.

Trung Bộ có 4 triệu dân, quy tụ vào 1 phần 10 đất đai. Còn miền cao nguyên thì chẳng có người ở.

Nam Bộ có những miền đồng dân như Gia Định, Mỹ tho, (170 người trên một cây số vuông), thì trái lại, có những miền thật vắng bóng người, như Đồng tháp mười, miền đồng, và miền Cà-mau, Rạch giá, (11 người trên 1 cây số vuông).

Những miền ít người ở, lại là những miền mà nền kinh tế cần được mở mang mạnh mẽ. Bởi vậy mà cần có cuộc di-dân, để khai thác những miền hoang vu.

Cuộc di-dân, muốn đạt được kết quả, thì phải làm mạnh bạo và đến nơi đến chốn, chứ đừng có làm nửa chừng như dưới thời thực dân (1). Cho nên chính phủ tờ chức làng mạc, định cách làm việc và khai khẩn, phát các khí cụ nhà nông và lo cho dám người di cư đủ vật thực cho đến ngày cuộc khai phá đạt kết quả. Đồng thời, chính phủ lại khởi cuộc bài trừ sốt rét đến triệt để tại các miền khai khẩn.

Hàng triệu người di cư lên miền trung du và thượng-du Bắc Bộ, miền cao nguyên Darlac, Lang Biang, Kontoum ở Trung Bộ, và các miền hoang vu ở Nam Bộ, là những tên lính tiền phong của mặt trận kinh tế.

(1) Dưới thời thực dân, người cầm quyền có đưa nhiều gia đình từ Bắc Bộ vào khai khẩn miền Rạch-giá. Dám dân khai khẩn chưa có kết quả, thi đã bị bỏ rơi, thành ra phải bán đồ làm ruộng. Ngoài ra, lại gặp nạn sốt rét dữ dội. Cuộc di dân thất bại.

CHƯƠNG THỨ TƯ

ĐẤT NỀN MỎNG CỦA NỀN ĐẠI KỸ-NGHỆ

Nền Cảnh nông phát triển, nền công-nghệ mở mang, trong nước đã được phồn thịnh. Chánh phủ khởi luân công cuộc đặt căn bản cho nền đại kĩ-nghệ.

Đường giao thông mở mang một cách lạ lùng. Các đường xe lửa quan trọng đều thiết-lập lại. Ba đường Hảiphòng — Vă-Nam, Hanoi — Lạng-Sơn, và Hanoi — Sàigòn đều mở rộng cỡ đường rầy. Các đoàn xe lửa xả tốc lực nuốt đường, vượt 100 cây số một giờ. Cái mộng nối Sàigòn với Hanoi trong non 1 ngày đã thực hiện. Hàng hóa vận chuyển ngày đêm trên đường Vă-Nam, Nam Ninh.

Đồng thời, đường xe lửa mở thêm, vì cuộc giao-dịch mở mang mau chóng. Đường xe lửa Mỹ tho kéo dài qua Cầnthơ, xuống tận Cà-Mau. Một đường Hanoi — Thái-nguyên — Bắc-kạn Cao-Bằng sẽ tiện lợi rất nhiều cho sự khai khẩn các mỏ kim khí miền trung du và thượng du..,

Ở Hanoi, Sàigòn, và mấy tỉnh lớn, các trường sẽ mở ra, đào tạo gấp rút những kỹ sư canh nông, kỹ sư công chánh và kỹ sư mỏ.

Các đập nước sẽ xây dựng ở triền sông Đồng Nai và các sông ở Bắc-Bộ, để lấy sức điện khi mở mang kỹ nghệ ở Bắc Bộ, bắc Trung Bộ và miền đông Nam Bộ.

Các ban khảo cứu, trong lúc đợi thời kỳ mở mang thực sự, xem xét cách thức mở mang và khai phá các mỏ, khảo sát các trường hợp và vị-trí thuận tiện để mở nhà máy, và tìm kiếm thêm nhiều mỏ khác. Căn bản nền kỹ-nghệ-hóa đã chắc chắn, giai đoạn cuối cùng của cuộc tranh đấu kinh tế đã tới : giai đoạn đại kỹ nghệ.

CHƯƠNG THỨ NĂM

NỀN ĐẠI KỶ NGHỆ

1970 !

Hơn 20 năm qua ! Dân tộc Việt-nam nỗ lực đã tới một giai đoạn phồn thịnh bất ngờ. Đồng ruộng vàng lươm mọc san sát, chen lẫn với những đồn điền trù phú trồng cà-phê, trà, bắp, đậu phộng, cao su ở Nam Bộ. Những đô thị lớn đã mọc trên miền thượng du, trung du Bắc-Bộ hay miền đông Nam Bộ. Nhà máy thi nhau nhả khói, sản xuất không ngừng đủ mọi thứ nhu cầu cho dân chúng. Trên sông, tàu vận tải đông như mắc cửi, xe lửa chạy đêm ngày vận chuyển hàng hóa. Các phi trường tấp nập. Ngoài bến, Hải-phòng, Hòn-gay, Tourane, Nha-trang, Cam-Ranh Sài-gòn, chật nich những tàu buôn quốc tế ra vào buôn bán nhộn nhịp.

Mỏ sắt Lào-kay, Thái-nguyên, mỏ than Đông-Triều, Hòn-gay, mỏ vàng Sơn-La, mỏ đồng Bảo Hà, mỏ kẽm, chì, bạc Tuyên-quang, Bắc-kạn, Cao-bằng, mỏ cốt phát Lạng-Sơn, Thanh-Hóa, hết thảy đều ngày đêm sản xuất. Ngay tại chỗ, các nhà máy dựng lên, chế hàn quặng mỏ thành kim khí, và dúc ra các đồ dùng. Các đoàn xe lửa

và các tàu vận tải xả tốc lực chở quặng mỏ sắt tới nhà máy thép. Than đá cũng đưa đến. Khói lửa mịt mùng rèn những thành phố thép dựng lên ở Đông triều, Phả-lại, hoặc Hòn-gay, Hải phòng. Từ cày kéo, con dao, đẽn máy móc và xe hơi, cả đẽn xe lửa và máy bay, ngày ngày ở các xưởng máy đó tải ra, phát đi cùng xứ, tung trên thị trường Đông Á ra hoàn cầu. Ở Vịnh, Hạ Long, Bến thủy, Cam Ranh, Ô Cấp, Saigon, thợ thuyền Việt Nam gấp rút đóng những tàu buôn để chở hàng đi ngoại quốc. Nam Bộ sẽ hoạt động bởi những xưởng máy cao xu, xưởng dệt, nhà máy làm đường và các nhà máy sửa chữa tàu, ghe.

Nền tương lai phát đạt lạ thường. Cuộc giao dịch mở rộng khắp Đông Á; với Xiêm, Miến Điện, Mã Lai, Nam Dương, Phi luật Tân, Nhựt hồn, Trung Hoa, Ấn độ, lan ra khắp thế giới: Nền đại-kỹ-nghệ mạnh mẽ làm cho nhân dục được giải thoát, gây ra nhiều vấn đề khó khăn. Nhưng mọi vấn đề đều sẽ giải quyết dễ dàng với tinh chất dân-tộc Việt-Nam. Vấn đề điều hòa nông nghiệp với nền kỹ nghệ sẽ được xem xét từ đầu. Nhất là vấn đề lao động: Ở chế độ nào mặc dầu, thợ thuyền với nông gia đều là những phần tử quan trọng xây nền phồn thịnh Quốc-gia và đều được trọng dâi đặc biệt. Quyền lợi

thợ thuyền và nông dân phải được đặt lên trên hết !

..

Chúng ta hãy tin tưởng, thành kính mà tin tưởng... Với vị-trí của Việt-Nam, với nguyên liệu của Việt-Nam, với tinh chất dân-tộc Việt-Nam, chúng ta chắc chắn rằng nền kinh tế Việt-Nam sẽ vượt muôn ngàn nỗi khó khăn để tiến tới một tương lai rực rỡ. Hình ảnh của một dân tộc nỗ lực tiến triển từ hồi thương cồ, chỉ vấp bước vài lần, càng làm cho chúng ta hăng hái tin tưởng và nỗ lực hơn trong phẩn sự.

MỤC-LỤC

Vài lời cùng bạn đọc.

PHẦN THỨ NHÚT

Nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ thực dân.

- 1— Những nguyên tắc tổ chức kinh tế thực dân.
- 2— Tổ chức độc quyền.
- 3— Nền kinh tế bị bóp nghẹt.

PHẦN THỨ HAI

Những yếu-tố đặc biệt trong cuộc gây dựng nền kinh tế Việt Nam.

- 1— Năng lực của dân tộc Việt Nam.
- 2— Vị trí đặc biệt của Việt Nam.
- 3— Nguyên liệu đầy đủ của Việt Nam.
- 4— Ảnh hưởng của nền kinh tế hoàn cầu.

PHẦN THỨ BA

Một nền kinh tế tương lai.

- 1— Kiến thiết nền canh nông.
 - 2— Khuếch trương tiêu công nghệ.
 - 3— Công cuộc di dân.
 - 4— Đặt nền móng của nền đại kỹ-nghệ.
 - 5— Nền đại kỹ-nghệ.
-